

TT PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH TN  
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT  
TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 321/CV-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 20 tháng 3 năm 2026

V/v niêm yết công khai phương  
án bồi thường, hỗ trợ và đăng tải trên Cổng  
thông tin điện tử của UBND cấp xã La Bằng

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã La Bằng;
- 16 hộ dân ảnh hưởng dự án (Có danh sách kèm theo).

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thi trong tổ chức thi hành Luật đất đai.

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc áp dụng trình tự thủ tục hành chính; ủy quyền thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh tại Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 31/10/2026.

Căn cứ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 17/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã La Bằng, cơ sở xóm tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tới các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu dân cư số 2 xã Tiên Hội (Nay là xã La Bằng), tỉnh Thái

Nguyên. Đồng thời niêm yết phương án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã La Bằng thời gian là 10 ngày.

**1. Thành phần:**

- Đại diện Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II;
- Đại diện lãnh đạo UBND xã La Bằng;
- Đại diện Phòng kinh tế xã La Bằng;
- Trưởng xóm, Bí thư xóm Phố Dầu, xã La Bằng;
- Các hộ dân bị ảnh hưởng (có danh sách các hộ dân mời công khai và phương án công khai niêm yết chi tiết kèm theo tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã La Bằng).

**2. Thời gian:** 14 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 3 năm 2026.

**3. Địa điểm:** Nhà văn hoá xóm Phố Dầu xã La Bằng. Kính nhờ UBND xã La Bằng chuẩn bị giúp hội trường và mời các thành phần ở xã, xóm và các hộ dân đến làm việc.

Đề nghị các thành phần tham dự hội nghị theo đúng thời gian và địa điểm như trên. Đề nghị UBND xã La Bằng đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã La Bằng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trung tâm PTQĐ tỉnh;
- Lưu: VT-CNTTPTQĐ khu vực II.

*llg*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Cao Thanh Cường**

**DANH SÁCH CÁC HỘ CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN**  
**Dự án: Bồi thường GPMB Khu dân cư số 2 xã Tiên Hội**  
**Địa phận: xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên**

Kèm theo Công văn **321**CV-CNTPTQĐ ngày **20**/03/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II

STT	Họ và tên của người có đất thu hồi, Chủ sở hữu tài sản	Địa chỉ (Nơi thường trú hoặc nơi ở hiện nay)	Ghi chú
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>d</i>	<i>10</i>
1	Bà Nguyễn Thị Lý và ông Vũ Văn Hùng	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
2	Ông Trần Văn Vân và bà Nguyễn Thị Phương	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
3	Ông Phan Văn Hội và bà Nguyễn Thị Nguyên	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
4	Ông Nguyễn Văn Đàm	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
5	Ông Nguyễn Văn Phán và bà Nhữ Thị Hà	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
6	Ông Nhữ Quang Sơn và bà Vũ Thị Ngân	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
7	Ông Vũ Văn Cường và bà Nguyễn Thị Vân	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
8	Bà Nguyễn Thị Khuyến	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
9	Ông Lương Văn Xuân và bà Đàm Thị Thiêm	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
10	Ông Trần Văn Long và bà Ngô Thị Hiền	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
11	Ông Nguyễn Trung Chính và bà Vũ Thị Thềm	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
12	Ông Trần Văn Vũ và bà Đặng Thị Ngọc	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
13	Bà Vũ Thị Lý	Xóm Sơn Tập, xã Đại Phúc	
14	Ông Nhữ Quang Lâm	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
15	Ông Vũ Văn Đức	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	
16	Ông Nguyễn Văn Điệp	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	

## PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Bồi thường GPMB Khu dân cư số 2 xã Tiên Hội

Địa phận: xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên

Kèm theo Công văn 321/CV-CNTTPTQĐ ngày 20/03/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên của người có đất thu hồi, Chủ sở hữu tài sản	Số căn cước công dân (định danh cá nhân)	Địa chỉ (Nơi thường trú hoặc nơi ở hiện nay)	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Bồi thường đất	Bồi thường thiệt hại về cây trồng	Bồi thường thiệt hại về tài sản	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hỗ trợ di dời mộ	Hỗ trợ tự thu xếp việc di chuyển mộ	Thưởng BGMB đất Nông nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
a	b	c	d	l	2	3	4	5	6			7	8	9=2+3+...+8	10
1	Bà Nguyễn Thị Lý và ông Vũ Văn Hùng	019161001148	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	1.804,1	139.700.000	14.709.400	95.372.861	393.969.900	18.041.000			9.020.500	20.260.800	691.074.461	
2	Ông Trần Văn Vân và bà Nguyễn Thị Phương	019067001281	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	261,0	20.358.000	1.827.000	21.576.800	58.725.000	2.610.000			1.305.000	6.753.600	113.155.400	
3	Ông Phan Văn Hội và bà Nguyễn Thị Nguyên	019070001372	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	2.197,7	166.605.400	59.167.900	14.486.244	440.311.500	21.977.000			10.988.500	40.521.600	754.058.144	
4	Ông Nguyễn Văn Đàm	19075001444	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	1.430,0	108.800.000	52.399.772	31.616.600	290.925.000	14.300.000			7.150.000	27.014.400	532.205.772	
5	Ông Nguyễn Văn Phán và bà Nhữ Thị Hà	19077016374	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	702,0	54.756.000	-	216.805.402	157.950.000	7.020.000			3.510.000	10.130.400	450.171.802	
6	Ông Nhữ Quang Sơn và bà Vũ Thị Ngân	019057000863 ; 019157002109	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	2.817,2	208.978.800	62.931.839	163.060.131	512.788.500	28.172.000			14.086.000	13.507.200	1.003.524.470	
7	Ông Vũ Văn Cường và bà Nguyễn Thị Vân	019068010664	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	349,0	27.222.000	-		78.525.000	3.490.000			1.745.000	6.753.600	117.735.600	
8	Bà Nguyễn Thị Khuyến	19166001278	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	943,8	73.348.400	5.539.000	21.243.300	209.139.000	9.438.000			4.719.000	13.507.200	336.933.900	
9	Ông Lương Văn Xuân và bà Đàm Thị Thiêm	019057005604	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	1.288,5	97.997.000	1.680.000	17.814.660	261.408.000	12.885.000			6.442.500	16.884.000	415.111.160	
10	Ông Trần Văn Long và bà Ngô Thị Hiền	019070001368	Xóm Phố Dầu, xã La Bằng	3.675,7	280.580.100	78.827.766	237.887.704	783.723.600	36.757.000	42.000.000	60.000.000	18.378.500	20.260.800	1.558.415.470	

11	<b>Ông Nguyễn Trung Chính và bà Vũ Thị Thêm</b>	019087002013	Xóm Phở Dầu, xã La Bằng	339,0	25.764.000	-	112.482.001	68.139.000	3.390.000			1.695.000	27.014.400	238.484.401
12	<b>Ông Trần Văn Vũ và bà Đặng Thị Ngọc</b>	019161001048	Xóm Phở Dầu, xã La Bằng	1.673,5	127.463.000	22.372.776	19.011.010	342.000.000	16.735.000			8.367.500	13.507.200	549.456.486
13	<b>Bà Vũ Thị Lý</b>	019078011879	Xóm Sơn Táp, xã Đại Phúc	448,0	34.344.000	7.536.000	-	94.050.000	4.480.000			2.240.000	27.014.400	169.664.400
14	<b>Ông Nhữ Quang Lâm</b>	019155002850	Xóm Phở Dầu, xã La Bằng	659,0	51.402.000	4.613.000		148.275.000	6.590.000			3.295.000	27.014.400	241.189.400
15	<b>Ông Vũ Văn Đức</b>	019064010689	Xóm Phở Dầu, xã La Bằng	755,0	58.890.000	5.285.000		169.875.000	7.550.000			3.775.000	5.065.200	250.440.200
16	<b>Ông Nguyễn Văn Điệp</b>	019083007377	Xóm Phở Dầu, xã La Bằng	926,0	72.228.000	6.482.000	78.087.240	208.350.000	9.260.000			4.630.000	27.014.400	406.051.640
19	<b>Tổng cộng</b>			<u>20.269,5</u>	<u>1.548.436.700</u>	<u>323.371.454</u>	<u>1.029.443.953</u>	<u>4.218.154.500</u>	<u>202.695.000</u>	<u>42.000.000</u>	<u>60.000.000</u>	<u>101.347.500</u>	<u>302.223.600</u>	<u>7.827.672.707</u>